

Đọc sách:**Xã hội học báo chí ***

Xã hội học báo chí của tác giả Trần Hữu Quang được Nhà xuất bản Trẻ, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Trung tâm châu Á - Thái Bình Dương xuất bản năm 2005. Trong *Lời nói đầu*, tác giả đã nhận xét "Nếu truyền thông nói chung là điều kiện tồn tại tất yếu của các xã hội vào bất cứ giai đoạn lịch sử nào, thì truyền thông đại chúng là một hiện tượng mới xuất hiện trong xã hội loài người, đặc biệt là trong thế kỷ XX. Định chế truyền thông đại chúng là một trong những nét đặc trưng nổi bật nhất của các xã hội hiện đại. Nó làm thay đổi mọi mặt trong đời sống của cá nhân, gia đình và cộng đồng, từ phương pháp tư duy, tập quán sinh hoạt cho đến các mối quan hệ giữa con người và con người. Có thể nói mà không sợ cường điệu rằng sự có mặt của các phương tiện truyền thông đại chúng làm cho người ta không còn sống như trước được nữa, và bộ mặt của xã hội cũng không ngừng biến đổi".

Cũng chính vì những tính chất mới trong sự phát triển của truyền thông đại chúng mà giới nghiên cứu đã tốn nhiều thời gian và công sức để khảo sát, phân tích và thảo luận về vị trí, vai trò cũng như các tác động của các phương tiện truyền thông đại chúng trong xã hội hiện đại.

"Xã hội học báo chí là một bộ phận của bộ môn xã hội học về truyền thông đại chúng. Cách tiếp cận xã hội học đối với báo chí nói riêng cũng như đối với truyền thông đại chúng nói chung về căn bản không có gì khác biệt lớn". Từ những nhận định này, thực chất trong nội dung của cuốn sách, tác giả trình bày về xã hội học truyền thông đại chúng, nhưng có chú trọng nhiều hơn tới lĩnh vực báo in. Có lẽ vì lẽ đó mà cuốn sách được mang tên *Xã hội học báo chí*. Tuy nhiên, trong nhiều chương sách, tác giả cũng đã đề cập tới những lĩnh vực truyền thông khác như phát thanh và

* TRẦN HỮU QUANG: *Xã hội học báo chí*. Nhà xuất bản Trẻ, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Trung tâm châu Á - Thái Bình Dương xuất bản năm 2005. 502 trang.

truyền hình cũng như tới quá trình truyền thông đại chúng nói chung.

Qua mười chương của cuốn sách, tác giả đã trình bày, phân tích những nội dung chính yếu của xã hội học truyền thông đại chúng, trong đó bao gồm cách tiếp cận xã hội học đối với các quá trình truyền thông, đối với nghề làm báo và hoạt động của nhà báo, những quan điểm và những phương pháp phân tích xã hội học về công chúng và nội dung truyền thông cũng như về các tác động xã hội của truyền thông đại chúng. Tác giả cũng đã phân tích một số trường phái lý thuyết chính tiếp cận trong xã hội truyền thông đại chúng trên thế giới hiện nay (Chương 9), đồng thời trong nội dung các vấn đề được trình bày ở nhiều chương sách, tác giả đã đề cập tới những đặc điểm trong sự phát triển truyền thông đại chúng ở Việt Nam.

Những vấn đề lý thuyết và những phân tích thực tiễn sinh động trong 10 chương sách có lẽ đã đáp ứng được mong ước của tác giả là "làm sao giới thiệu được một lối nhìn (hay đúng hơn là một lối tư duy), phân tích xã hội học về hiện tượng truyền thông đại chúng nói chung, cũng như về đời sống báo chí nói riêng". Và đó cũng là kết quả của những năm học tập, nghiên cứu, giảng dạy về xã hội học truyền thông đại chúng cũng như của thời gian đi làm báo và viết báo mà tác giả đã trải qua để mang lại cho độc giả trong cuốn sách này?

Cho đến nay, ở nước ta, lĩnh vực nghiên cứu về truyền thông đại chúng chưa được triển khai nhiều. Vì thế, quyển sách này là một nỗ lực của Tiến sĩ Xã hội học Trần Hữu Quang mang kỳ vọng đóng góp một phần nào đó vào việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu về một lĩnh vực vốn đang hết sức sôi động và cần thiết cho quá trình phát triển.

Gấp hơn 500 trang của cuốn sách lại, độc giả thấy trên trang bìa 4 có in một vài trong số rất nhiều vấn đề đặt ra cho thế giới truyền thông mà tập sách này đã tìm cách lý giải thông qua những cái khung phân tích xã hội học. Xin được trích dẫn để những độc giả có quan tâm đến vấn đề truyền thông đại chúng mà chưa có cuốn *Xã hội học báo chí* hiểu thêm về những đóng góp của tác giả cuốn sách:

"Truyền thông là gì? Truyền thông đại chúng là gì? Nền báo chí Anh - Mỹ có gì khác biệt so với nền báo chí Pháp? Công nghiệp truyền thông ở các nước phát triển hiện nay ra sao? Những đặc trưng của báo chí Việt Nam trong thời kỳ đổi mới?

Phải chăng tin tức trên truyền hình nhiều hơn và xác thực hơn so với báo in? Phải chăng báo in sắp tới hồi cáo chung để nhường chỗ cho các phương tiện thính thị? Và Internet sẽ là phương tiện truyền thông độc tôn của tương lai?

Nhà báo có phải là người có "quyền lực"? Đây là nguồn gốc của sức mạnh thực thụ của báo chí? Phim ảnh và truyền hình có phải là "thủ phạm" của hiện tượng bạo lực trong xã hội? Vai trò và ảnh hưởng của định chế truyền thông đại chúng trong xã hội hiện đại?..."

HOÀNG DŨNG

Thúc đẩy các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền trẻ em Kinh nghiệm và sáng kiến từ các nước châu Á - Thái Bình Dương*

Cuốn sách là kết quả của các hoạt động thực tế của các chuyên gia thuộc một số tổ chức cứu trợ trẻ em sau 4 năm hoạt động trong các chương trình dự án về phát triển quyền trẻ em tại một số quốc gia thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nội dung cuốn sách gồm 4 phần.

Phần 1: Xây dựng chương trình dựa trên quyền - một phương pháp tiếp cận không ngừng phát triển. Xây dựng chương trình quyền trẻ em (Child Right Programming - CRP) là cách gọi của Tổ chức cứu trợ trẻ em dành cho phương pháp tiếp cận dựa trên quyền (Right-based Approach - RBA), trong đó nhấn mạnh đến trẻ em và quyền trẻ em.

So với thời điểm những năm 1990, những tài liệu thời kỳ đầu chủ yếu là các bài viết mang tính chất lý thuyết, những phương pháp tiếp cận dựa trên quyền được chuyên môn hóa và trở nên đa dạng một cách nhanh chóng. Phương pháp tiếp cận này đặt ra những gợi ý với tầm ảnh hưởng bao quát đối với một tổ chức và mối quan hệ của tổ chức đó với các cộng đồng đối tác, chính quyền và các nhà tài trợ. Các cơ quan, ban, ngành cần hợp tác hướng tới những mục đích chung, phối hợp công tác tại địa phương với các hỗ trợ cho việc củng cố chính sách và luật pháp ở cấp quốc gia.

Phần 2: Áp dụng quyền con người trong các chương trình và các tổ chức.

Một số các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền được áp dụng trong giáo dục, vấn đề AIDS, HIV được các tác giả tổng kết trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản trong quá trình thực hiện quyền, mọi quyền đều mang tính chất phổ thông, là bất khả xâm phạm và mọi quyền đều đi đôi với trách nhiệm. Trong quá trình thực thi quyền thì nhà nước, các nhà tài trợ quốc tế, giới truyền thông, cha mẹ, trẻ em là các đối tượng có liên quan và chịu trách nhiệm chính đảm bảo cho quyền trẻ em được thực thi đầy đủ. Chỉ số mục tiêu lượng giá các nghĩa vụ, mục tiêu cũng như hành động thực tế trong việc thực thi quyền. Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền trong giáo dục lấy nền tảng là những tiêu chuẩn quyền con người đã được quốc tế thống nhất và thúc đẩy các tiêu chuẩn đó trong xã hội. Phương pháp này đảm bảo mọi trẻ em đều được hưởng một nền giáo dục cơ bản có chất lượng. Giáo dục có chất lượng là giáo dục lấy

* JOACHIM THEIS: *Thúc đẩy các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền trẻ em. Kinh nghiệm và sáng kiến từ các nước châu Á - Thái Bình Dương*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2006. 210 trang.

trẻ làm trung tâm, bên cạnh mục tiêu học tập, những vấn đề sức khỏe, tình trạng dinh dưỡng, hạnh phúc của trẻ, sự an toàn cho trẻ, việc bảo vệ để trẻ không bị xâm hại và bạo lực, môi trường xung quanh trẻ, những gì trước và sau khi trẻ đến trường là những tiêu chí cơ bản của một nền giáo dục tốt.

Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền đối với vấn đề AISD, HIV sử dụng nguyên tắc không phân biệt đối xử, nguyên tắc quy định không ai có thể bị tước đoạt quyền, bất kể giới tính, chủng tộc, tính chất giới tính của họ thay đổi hay độ tuổi của họ như thế nào. Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền trong việc xây dựng các chương trình HIV/AIDS có theo ba thành tố chính: 1. Phòng ngừa, bảo vệ và giảm thiểu tác hại, 2. Điều trị và chăm sóc, 3. Giảm nhẹ tác động.

Phần 3: Thăm dò những cách làm việc mới.

Những kinh nghiệm được đúc kết từ các hoạt động thực tế nhằm thúc đẩy sự tham gia của trẻ em, một quá trình vẫn được xem là khó có thể được chấp nhận trong một xã hội, nơi các mối quan hệ giữa trẻ em và người lớn vẫn còn bị chi phối bởi thái độ và các giá trị truyền thống, và trẻ em vẫn luôn được coi là có trách nhiệm thay vì có quyền. Từ các chương trình hoạt động đa dạng được thực thi ở Việt Nam: bảo vệ trẻ em không bị bóc lột sức lao động và buôn bán, giáo dục hoà nhập, môi trường thân thiện với trẻ, quyền của trẻ khi đến trường và rộng hơn là những quá trình trẻ em và hệ thống tư pháp, trẻ em và các vấn đề kinh tế, cho thấy việc xây dựng năng lực tham gia của trẻ em là một hoạt động cần nhiều thời gian cần thiết cho quá trình thay đổi hành vi và hiểu đúng giá trị quá trình tham gia của trẻ.

Điểm xuất phát của các chương trình là làm rõ khái niệm về sự tham gia của trẻ em, trên cơ sở đó tiến hành các hoạt động liên kết cá nhân, tổ chức giữ vai trò quan trọng thông qua việc chia sẻ thông tin và phổ biến kinh nghiệm, thiết lập nên các mạng lưới cho phép các đối tượng có lợi ích liên quan tiếp cận với phương pháp mới trong việc thu hút trẻ em tham gia vào xây dựng chương trình. Trong đó, các hoạt động nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực cho đội ngũ nhân viên của Tổ chức cứu trợ trẻ em, của các đối tác (ban ngành, cấp quản lý địa phương) kết hợp với các phương pháp thúc đẩy sự tham gia của trẻ em, phân bổ ngân sách hợp lý cho sự tham gia của trẻ em và chứng minh các lợi ích của việc thu hút trẻ tham gia, tất cả những quá trình này đảm bảo cho việc sử dụng kỹ thuật và tính hiệu quả của chương trình.

Việc xây dựng năng lực cũng chú ý đến người lớn, bởi họ là các chủ thể quan trọng trong việc thực hiện cũng như tạo thuận lợi cho sự tham gia của trẻ em. Người lớn cũng chính là những người hình thành nên những rào cản lớn nhất đối với sự tham gia của trẻ em do những niềm tin tôn giáo thái độ truyền thống và quá trình hoà nhập xã hội của bản thân họ. Thậm chí ngay cả khi thái độ của người lớn đối với sự tham gia của trẻ đã trở nên tích cực hơn thì người lớn vẫn cần được hỗ trợ để củng cố các khả năng trao đổi truyền thông, dẫn trình và các phương pháp tiếp cận, làm việc với trẻ.

Từ các nghiên cứu trường hợp thúc đẩy sự tham gia của trẻ trong quá trình xây dựng các mô hình quận thân thiện với trẻ cũng như trường hợp Bangladesh cho thấy nguyên tắc không phân biệt đối xử cần được coi như nguyên tắc căn bản và được áp dụng song song cùng với các nguyên tắc được tham gia và chịu trách nhiệm. Việc phân biệt đối xử cho thấy có những tác động tiêu cực tới lòng tự trọng và tự tin của trẻ em gái cũng như trai. Điều này liên hệ mật thiết với phân biệt đối xử ở người lớn. Những quan niệm về giới, hành vi, vai trò và mối quan hệ, thành kiến và sự mê tín dị đoan được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Quan niệm về giới ảnh hưởng đến những quyết định mà trẻ em trai và trẻ em gái có thể đưa ra: quyết định liên quan đến cuộc sống của các em và nghề nghiệp mà các em muốn theo đuổi hoặc được phép lựa chọn.

Theo quan điểm xây dựng chương trình quyền trẻ em, cần giải quyết đồng thời những nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gốc rễ của những vi phạm quyền, như các cơ cấu quyền lực và giá trị gia trưởng. Một yêu cầu đặt ra cho các cấp chính quyền và các tổ chức phi chính phủ xây dựng các chỉ số và các hệ thống giám sát có khả năng đo đạc được mức độ đa dạng và hoà nhập. Các công tác tăng cường trách nhiệm vì quyền trẻ em thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng đem lại những hiệu quả lớn do tính phổ biến rộng đến đông đảo dân trong một thời gian ngắn. Nhưng bản thân truyền thông không đủ đem lại những thay đổi về chính sách và tập quán thực tiễn liên quan đến trẻ em.

Phần 4: Tìm kiếm các công cụ sáng tạo.

Các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền thúc đẩy các tiêu chuẩn quyền con người, tính trách nhiệm, bình đẳng và sự tham gia. Phương pháp này đặt ra thách thức buộc các tổ chức, các chính phủ cần có những bổ sung những chỉ số biểu thị về các quyền dân sự và chính trị và lập ra mối quan hệ giữa những chỉ số đó với những chỉ số liên quan đến các quyền xã hội và kinh tế. Mục đích sau cùng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền là nhằm thực hiện quyền con người thông qua những thay đổi trong chính sách, trong phân bổ nguồn lực, trong thái độ và trong tập quán thực tiễn của các chủ thể chịu trách nhiệm và chủ thể mang quyền. Các nhân tố giám sát và lượng giá dựa trên quyền đo lường các tác động, kết quả, hiệu suất, hiệu quả hay sự thay đổi hỗ trợ tăng cường trách nhiệm; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hỏi; củng cố các mối quan hệ hợp tác và xây dựng tập thể; hỗ trợ cho các nỗ lực vận động và tạo ảnh hưởng đến văn hóa cộng đồng.

Trong những phần phụ lục của cuốn sách, các tác giả cung cấp thêm các nguồn tư liệu trên mạng và các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền (tr. 199 - 210), những mô hình tác động được sơ đồ hóa, các ví dụ minh họa sinh động từ kinh nghiệm dự án được triển khai ở các nước châu Á và các quốc gia đang phát triển. Những chỉ dẫn này cho phép bạn đọc cũng như những nhà hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ trẻ em có được một cái nhìn hệ thống về phương pháp tiếp cận cơ bản này.

HỒ UYÊN

Giới thiệu luận án Tiến sỹ xã hội học

* **Tên luận án:** “DI DÂN VÀ SỨC KHỎE Ở CÁC VÙNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM”

Của nghiên cứu sinh: Nguyễn Thanh Liêm

Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. Michael White

Mục đích và nhiệm vụ:

Nghiên cứu này nhằm nhiều mục đích: Trước hết, làm giàu thêm những hiểu biết hiện còn nhiều hạn chế về các yếu tố tác động đến sức khỏe và đặc biệt là tác động của di dân đến sức khỏe. Mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu các yếu tố tác động đến sức khỏe và di dân, các công trình này còn lẻ tẻ, thiếu tính hệ thống hoặc mới chỉ nhìn đến một khía cạnh đơn giản của mối quan hệ này. Các yếu tố tác động đến sức khỏe đã được các học giả thuộc nhiều ngành khác nhau khám phá và xây dựng. Tuy nhiên, hiện vẫn còn thiếu những công trình mang tính tổng hợp có tính liên kết những kiến thức đó và cách tiếp cận đa ngành trong nghiên cứu này vì vậy mới đang ở những bước ban đầu. Nghiên cứu sẽ cố gắng tận dụng những kiến thức đó và tổng hợp chúng trong một khung lý thuyết chung.

Tương tự, trừ những công trình nghiên cứu sức khỏe của dân di cư bắt buộc (chủ yếu là dân tị nạn) và gần đây là một loạt các công trình nghiên cứu về di dân và sự bùng phát của HIV/AIDS, số công trình nghiên cứu di dân và sức khỏe cả về lý thuyết và thực nghiệm đều còn rất hạn chế mặc dù mối quan hệ này đang ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm hơn. Tuy nhiên, những nhóm dân di cư khác cũng đang phải đối mặt với những vấn đề sức khỏe của riêng họ và những vấn đề đó cũng không kém phần quan trọng hơn những vấn đề dân di cư bắt buộc đang phải đối mặt. Cũng như vậy, mặc dù mối hiểm họa của đại dịch HIV/AIDS là rất lớn tại một số khu vực, đặc biệt là vùng sub-Sahara của châu Phi, hiểm họa này không lớn như vậy ở một số khu vực khác; ở những khu vực khác của các nước đang phát triển, các vấn đề y tế công cộng chủ yếu lại có thể là những vấn đề khác và các yếu tố tác động đến chúng cũng khác các yếu tố tác động đến HIV/AIDS.

Nghiên cứu này tiếp cận vấn đề trước hết bằng cách tổng quan và hệ thống hóa các công trình nghiên cứu hiện có về di dân và sức khỏe và phát triển chúng trong một khung lý thuyết tổng hợp.

Mục đích thứ hai của nghiên cứu là sử dụng khung lý thuyết trên và tìm hiểu liệu di dân có tác động đến sức khỏe của dân di cư hiện sống trong các khu vực đô thị của Việt Nam hay không và nếu có thì tác động ở mức độ nào. Nghiên cứu cũng nhằm tìm hiểu những khác biệt trong tình trạng sức khỏe giữa các nhóm dân di cư khác nhau và nhóm dân không di cư tại cả đầu đi và đầu đến. Do chưa có nhiều các nghiên cứu thực nghiệm về di dân và sức khỏe, nhất là tại các nước đang phát triển, hy vọng rằng các kết quả trong nghiên cứu này sẽ cung cấp thêm các bằng chứng rõ ràng về mối quan hệ giữa di dân và sức khỏe và góp phần bổ xung cho các tranh luận

lý thuyết hiện có. Hơn nữa, trình bày và bàn luận về những hạn chế của nghiên cứu hy vọng cũng sẽ cung cấp những hiểu biết rõ hơn về mối quan hệ giữa di dân và sức khỏe và tạo dựng cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo.

Nghiên cứu không chỉ nhìn vào sức khỏe tại một thời điểm cụ thể mà sẽ cố gắng tìm hiểu diễn tiến của nó trong một khoảng thời gian dài. Cách tiếp cận này có thể đưa ra một bức tranh toàn diện hơn về quá độ sức khỏe của dân di cư trong mối tương quan với dân không di cư. Nghiên cứu đưa ra lập luận rằng điều kiện sống tồi tàn và tính chất công việc nặng nhọc của dân di cư, đặc biệt là của dân di cư tạm thời, trong một môi trường nhiều cạnh tranh có thể dẫn đến tình trạng sức khỏe của họ suy giảm nhanh chóng hơn những người không di cư ở khu vực đô thị. Điều này có thể đúng ngay cả khi dân di cư có nhiều lợi thế ban đầu về mặt sức khỏe hơn dân không di cư.

Ngoài tình trạng sức khỏe, nghiên cứu cũng so sánh việc sử dụng các dịch vụ y tế giữa các nhóm dân di cư và không di cư do tình trạng di cư đã được biết đến từ lâu như một yếu tố có ảnh hưởng đến việc tiếp cận các dịch vụ y tế. Trọng tâm chính cần tìm hiểu là mức độ khác biệt giữa dân di cư đến đô thị và dân cư gốc không di cư hiện sống tại đô thị về việc sử dụng các dịch vụ y tế khi bị ốm đau ở các mức độ khác nhau.

Một mục đích khác là tìm hiểu và so sánh những khác biệt của các yếu tố tác động đến sức khỏe và dịch vụ y tế giữa các nhóm dân di cư và dân không di cư. Dựa trên lập luận rằng các nhóm dân di cư khác nhau có hoàn cảnh kinh tế xã hội khác nhau và vì vậy họ sẽ thích nghi và bị ảnh hưởng của khu vực đô thị ở những mức độ khác nhau. Do vậy, tình trạng sức khỏe của họ cũng bị ảnh hưởng theo những chiều hướng và mức độ khác nhau. Một số yếu tố có thể có tác động rất mạnh đến tình trạng sức khỏe của một nhóm dân cư nhưng lại không có tác động gì đến nhóm dân cư khác. Trong trường hợp đó, các chính sách y tế cần linh hoạt và các nhà hoạch định chính sách y tế cần thiết lập các ưu tiên cao hơn hoặc ưu tiên khác cho những nhóm dân cư thiệt thòi hơn. Kết quả của nghiên cứu hy vọng sẽ đưa được ra câu trả lời liệu có cần thiết thiết lập các ưu tiên đó không và nếu có thì đó là những ưu tiên gì?

Thêm vào đó, nghiên cứu cũng cố gắng tìm hiểu tác động của đổi mới kinh tế lên tình trạng sức khỏe và việc sử dụng các dịch vụ y tế. Dường như tất cả mọi người đều hưởng lợi từ đổi mới kinh tế, một số nhóm thiệt thòi hưởng lợi ít hơn từ những đổi mới kinh tế. Hệ quả của tình trạng đó là sự gia tăng bất bình đẳng và điều đó có thể dẫn đến việc nảy sinh những vấn đề xã hội mới.

Cuối cùng, nghiên cứu này nhằm cung cấp những cơ sở cho việc phát triển những chính sách y tế và sự phát triển của các chương trình đổi mới y tế đang diễn ra.

Phần nội dung chính: gồm 7 chương

Chương 1: Giới thiệu

- 1.1. Di dân đô thị và sức khỏe
- 1.2. Việt Nam - một trường hợp thú vị cho phân tích di dân và sức khỏe

- 1.3. Các mục đích và luận chứng nghiên cứu
- 1.4. Cấu trúc của luận án

Chương 2: Phát triển kinh tế, di dân và sức khỏe ở Việt Nam

- 2.1. Phát triển kinh tế và những đổi mới từ khi thống nhất đất nước
- 2.2. Các hệ quả của đổi mới và phát triển kinh tế nhanh
- 2.3. Tăng trưởng đô thị và di dân đến đô thị
- 2.4. Tình trạng sức khỏe, hệ thống chăm sóc sức khỏe, và những đổi mới trong lĩnh vực y tế
- 2.5. Các vấn đề liên quan đến các nghiên cứu về di dân và sức khỏe

Chương 3: Cơ sở lý luận và các giả thuyết

- 3.1. Các mô hình khái niệm về sức khỏe và việc sử dụng các dịch vụ y tế
- 3.2. Địa vị kinh tế xã hội và sức khỏe
- 3.3. Di dân và sức khỏe: mối quan hệ và các vấn đề khái niệm
 - 3.3.1. Mối quan hệ giữa di dân và sức khỏe
 - 3.3.2. Các giải thích và các mô hình khái niệm
- 3.4. Khung lý thuyết
- 3.5. Các giả thuyết ban đầu

Chương 4: Số liệu và phương pháp

- 4.1. Số liệu
- 4.2. Tiếp cận chất lượng số liệu và nâng cao chất lượng
- 4.3. Các khái niệm, thao tác hóa khái niệm, và các biến số
 - 4.3.1. Các biến số di dân và sức khỏe
 - 4.3.2. Các yếu tố quyết định sức khỏe và việc sử dụng các dịch vụ y tế
- 4.4. Các phương pháp và mô hình thống kê

Chương 5: Phân tích mô tả: Di dân, sức khỏe và việc sử dụng các dịch vụ y tế - mô hình, mối quan hệ, và các vấn đề đặc trưng của di dân

- 5.1. Tổng quan về tình trạng sức khỏe
 - 5.1.1. Tình trạng đau ốm, số ngày đau ốm, và số ngày bị hạn chế hoạt động do đau ốm - kết quả từ VLSS 1997-98
 - 5.1.2. Tình trạng sức khỏe tự đánh giá và bệnh tật - kết quả từ VMHS 1997
- 5.2. Tổng quan về tình trạng di dân

- 5.2.1. Phân phối dân số theo tình trạng di dân của dân di cư dài hạn
- 5.2.2. Tình trạng di dân của dân di cư tạm thời
- 5.3. Sử dụng các dịch vụ y tế
 - 5.3.1. Sử dụng các dịch vụ y tế sau khi ốm
 - 5.3.2. Sử dụng các dịch vụ y tế sau khi mắc bệnh
- 5.4. Tình trạng sức khỏe theo tình trạng di cư
 - 5.4.1. Tình trạng sức khỏe của dân di cư dài hạn và dân không di cư theo tình trạng di cư
 - 5.4.2. Tình trạng sức khỏe của dân di cư tạm thời theo tình trạng di cư
- 5.5. Việc sử dụng các dịch vụ y tế theo tình trạng di cư
 - 5.5.1. Việc sử dụng các dịch vụ y tế của dân di cư dài hạn theo tình trạng di cư
 - 5.5.2. Việc sử dụng các dịch vụ y tế của dân di cư tạm thời theo tình trạng di cư
- 5.6. Sự thích nghi: ảnh hưởng của thời gian cư trú đến sức khỏe
- 5.7. Sự "trùng phạt đô thị": ảnh hưởng của nơi cư trú đến sức khỏe

Chương 6: Phân tích đa biến: Tác động của di dân và các yếu tố quyết định khác lên tình trạng sức khỏe và việc sử dụng các dịch vụ y tế

- 6.1. Tình trạng sức khỏe của dân di cư dài hạn
 - 6.1.1. Tình trạng đau ốm
 - 6.1.2. Số ngày đau ốm và số ngày bị hạn chế chế hoạt động do đau ốm
- 6.2. Tình trạng sức khỏe của dân di cư tạm thời
 - 6.2.1. Tình trạng sức khỏe tự đánh giá
 - 6.2.2. Tình trạng bệnh tật
- 6.3. Việc sử dụng các dịch vụ y tế của dân di cư dài hạn
- 6.4. Việc sử dụng các dịch vụ y tế của dân di cư tạm thời

Chương 7: Thảo luận và kết luận

- 7.1. Lật lại các câu hỏi nghiên cứu
- 7.2. Các mối quan hệ giữa di dân và sức khỏe
- 7.3. Các yếu tố kinh tế xã hội có tác động mạnh đến tình trạng sức khỏe và việc sử dụng các dịch vụ y tế
- 7.4. Các hệ quả và bài học về chính sách và nghiên cứu
- 7.5. Tóm lược và kết luận

Kết luận và khuyến nghị

L luận án bảo vệ trước Hội đồng bảo vệ Luận án Tiến sĩ tại: Trường Đại học Tổng hợp Brown, Hoa Kỳ ngày 14 tháng 5 năm 2004.

TRÊN GIÁ SÁCH CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

*Tap chí Xã hội học đã nhận đọc sách của các nhà xuất bản, các tác giả sau đây gửi tặng.
Cám ơn các nhà xuất bản, các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.*

TẠP CHÍ XÃ HỘI HỌC

- ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH TRẺ EM: **Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe 2002: Dự án dân số và sức khỏe gia đình.** Nxb Thống kê. 2003. 257 tr.
- TỔNG CỤC THỐNG KÊ: **Điều tra biến động dân số và nguồn lao động 1/4/2003: Những kết quả chủ yếu.** Nxb Thống kê. 2004. 306 tr.
- TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU BẮC MỸ: **Quốc hội Mỹ hoạt động như thế nào.** Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 2003. 951 tr.
- VIỆN NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI: **Vấn đề dân tộc và định hướng xây dựng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.** Nxb Chính trị Quốc gia. 2002. 369 tr.
- NGUYỄN VĂN SÁU, HỒ VĂN THÔNG: **Thể chế dân chủ và phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay.** Nxb Chính trị Quốc gia. 2005. 661 tr.
- ĐẶNG VINH, ĐẶNG QUANG, THANH VÂN (biên soạn): **Việt Nam: Đổi mới và phát triển.** Nxb Từ điển Bách khoa. 2005. 341 tr.
- MAURICE CORNFORTH, ĐỖ MINH HỢP (dịch): **Triết học mở và xã hội mở.** Nxb Khoa học xã hội. 2002. 735 tr.
- ỦY BAN DÂN TỘC, VIỆN DÂN TỘC, NGÂN HÀNG THẾ GIỚI: **Kỷ yếu hội thảo "Xóa đói giảm nghèo - Vấn đề và giải pháp ở vùng dân tộc thiểu số phía Bắc Việt Nam".** Nxb Nông nghiệp. 2004. 219 tr.
- NHẤT THANH, VŨ VĂN KHIẾU: **Phong tục làng xóm Việt Nam: Đất lề quê thói.** Nxb Phương Đông. Thành phố Hồ Chí Minh - 2005. 502 tr.
- TRỊNH QUANG CẢNH: **Phát huy vai trò đội ngũ trí thức các dân tộc thiểu số ở nước ta trong sự nghiệp cách mạng hiện nay (sách tham khảo).** Nxb Chính trị Quốc gia. 2005. 209 tr.
- BÙI MINH ĐẠO (chủ biên): **Thực trạng đói nghèo và một số giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên.** Nxb Khoa học xã hội. 2005. 209 tr.
- NGUYỄN BÁ THỦY: **Di dân tự do của đồng bào Tày, Nùng, H'Mông, Dao từ Cao Bằng, Lạng Sơn vào Đắc Lắc (1996 -2000).** Nxb Lao động xã hội.

2004. 231 tr.

- CAO HUY THUẬN, NGUYỄN TÙNG, TRẦN HẢI HẠC, VĨNH SÍNH (chủ biên): **Từ Đông sang Tây 2010**. Nxb Đà Nẵng. 2005. 463 tr.